

Anan ! Chính lúc người đang quán xét tính diệu minh thì kết hợp tứ đại của cái Tôi "chúng sinh tính" lỏng rã ra trong một thời lượng ngắn, "Tâm" nhờ đó có thể thoát ra khỏi tính chướng ngại của tứ đại, tình huống này gọi là Tinh Minh Trào Ra Tiền Cảnh; một dấu hiệu khích lệ tạm thời. Cần phải hiểu đây chưa là chứng ngộ, chưa là Thánh gì hết; không ý thức được điều này có nghĩa là Tà Kiến.

Tiếp tục quán xét như thế, thân sẽ trở thành trống rỗng, hành giả có thể nhìn suốt vào trong mà không bị ngăn ngại, có thể trông rõ nào giun, nào sán tùm lum và có thể nhặt từng con vút ra ngoài thân mà thân thể vẫn không hề sây sát, không hề có dấu đứt, dấu nổi nhìn thấy nào cả. Đây là do Tinh Minh Trào Vào Hình Thể, một dấu hiệu nữa của thành quả tu thiện, nhưng chớ vội huênh hoang mà lại mắc vào tà kiến.

Lại dùng cái tâm ly niệm ấy mà quán xét trong ngoài thì ý thức với tư cách chủ thể đối với khách thể không chỉ là bản thân mà còn là những vật khác nữa, vì thế nó có thể, tỉ như tự nhiên nghe thấy tiếng thuyết pháp giữa hư không, hoặc nghe thấy từ mười phương tiếng nói diễn bày những lí thâm thúy, sâu xa. Tình huống này gọi là Tinh Thân Li Hợp Hoán Vị, nhờ đó thành tựu thiện chủng. Chỉ mới thế thôi, chớ phóng đại quá mức ấy.

Cái tâm ấy tiếp tục được phát huy bởi tu thiện sẽ chuyển hoá thị giác, khiến hành giả thấy khắp mười phương trở thành sắc Diêm phù đàn, tất cả các loài trở thành Như Lai, thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang có ngàn Đức Phật vây quanh, trăm ức cõi nước cùng hoa sen hiện ra. Cảnh quan kì vĩ ấy là sự phát minh của tâm quang chịu tác dụng của trạng thái Y Thức Tiêm Nhiễm Linh Ngộ. Cũng là tốt đấy, nhưng thức sự vẫn chưa ăn nhằm gì.

Tiếp tục quán xét tính diệu minh ở mức tập trung cao hơn, với cường độ chỉ quán lớn thì bỗng nhiên thấy mười phương hư không biến thành thất bảo, hoặc bách bảo mà không sắc màu nào, xanh hay vàng hay đỏ hay trắng, lại ngăn ngại sắc màu nào. Đây chỉ là hậu quả của nỗ lực quá căng thẳng, một nỗ lực đáng biểu dương, nhưng chưa có gì đáng gọi là Thánh hết.

Vẫn dùng cái tâm ấy mà quán xét trong trạng thái trong sáng không tán loạn thì có được khả năng nhìn thấy các đồ vật trong nhà giữa lúc đêm hôm rõ ràng như giữa buổi trưa ngày. Khả năng này sản sinh từ Định Tâm Lặng, nó chưa là gì để thánh hoá cái Tôi của mình.

Nếu cũng trong tâm thức ấy, quán chiếu tính hư dung của sự kết hợp tứ đại trong thân mình thì thân theo niệm này mà trở thành giống như vật chất vô tri, dao đâm, lửa đốt thế nào cũng không có cảm giác đau đớn: đây là do chuyên chú phủ định tính sinh học của tương tác, nói cách khác, mà vào được trạng thái Năm Trần Đều Tiêu. Như thế cũng là một bước tiến trên đường thoát ly phạm vi của sắc ấm, nhưng quyền năng đó vẫn không nên xem là một dấu hiệu chứng Thánh.

Cũng qua tâm ấy, quán xét thiền đề là cõi Phật, chư Phật thì cõi Phật rực rỡ bảy thứ vật báu sẽ xuất hiện khắp mười phương trên khắp các cõi đại địa, sơn hà. Đồng thời hằng hà sa số chư vị Như Lai hiện hình trong các lâu đài hoa lệ. Đồng thời dưới thì thấy ngầm lâu ngày các ý tưởng ưa cảnh giải thoát, chán cảnh thế gian. Dù mắt có thấy mười mươi tất cả những cảnh quan chưa từng có

bao giờ đó thế nào chang nữa thì chó tự cho là mình đã chứng Thánh mà lại mắc vào tà kiến đó.

Tiếp tục quán xét sâu xa với cường độ tập trung cao thì dễ chứng đắc thiên nhĩ, thiên nhĩ, giữa đêm hôm, ngay tại nhà mà vẫn thấy rõ chợ búa, làng mạc, bà con, quyền thuộc gần xa, lại còn nghe rõ lời nói của từng người. Đây là kết quả của công phu thiền định thi hiện trên phương diện "Sắc" chứ không phải đã là thành tựu của chánh thiền, chánh định mà ngộ nhận chứng Thánh quả.

Cuối cùng thuộc phạm vi sắc ấm là tự thấy nơi mình phát sinh cái phẩm chất, cái năng lực hiếm có, cái biện tài vô ngại của chư Phật, chư Đại Bồ Tát, tức là tự nhiên lại có thể thuyết pháp rất mực hùng hồn, thông suốt các diệu nghĩa của Tam Tạng Kinh Điển, ai ai cũng phải khâm phục. Thực chất vấn đề là do nén ép cái tâm thiền định đến mức cùng tột, chuyên chú vào niệm Thiền Trí Thức. Sự nỗ lực vì một mục đích mà hạt nhân vẫn là Ngã đã tạo điều kiện cho loài lỵ mỵ, thiên ma chui vào tâm thức mà biến nó thành tà tâm. Không sáng suốt nhận ra được thực trạng vi tế này mà lại nghĩ mình đã chứng đắc Thánh quả thì chính là tự tiêu diệt mình bằng chính cái tà kiến ấy.

Anan ! Mười cảnh Ma đó hiện ra trong lúc thiền định đều do sắc ấm phối hợp với định lực dần dựng nên. Nguyên nhân sâu xa nhất, ẩn dấu nhất vẫn là chủng tử Ngã Chấp từ tiềm năng được thúc đẩy thành hiện thể dưới tác dụng của Sắc ấm mà là những thế lực chuyên nghề phá hoại thành quả tu hành nhằm tới Vô Thượng Chính Đẳng Giác, bằng cách khai thác những tình huống phát sinh lúc thiền định. Các người phải xem đây là bài học quan trọng nhất cần nhắc nhở các thiền giả hậu thế sau khi Như Lai Ta diệt độ.

Anan ! Khi vào xamatha, tuy trải nghiệm 10 tình huống khác nhau nhưng lúc nào cũng kiên định tư tưởng rằng tất cả 10 cảnh ấy đều chỉ là Tâm Tướng, là sự phóng chiếu của Tâm Phân Biệt, tự thể, tự tính của chúng là huyễn, là "ma", chẳng có giá trị gì để khoe khoang. Thái độ ấy ổn định, không giao động, sẽ được đánh giá là hết Sắc ấm, là đã "thấy" Tâm Chân Như (tâm vô phân biệt) của chư Phật. Đây là "thấy" chứ chưa hề có nghĩa là "thực nghiệm", tình trạng này giống như người bị bóng đèn: mắt vẫn nhìn rõ mồn một, tai vẫn nghe rõ rành rành. có điều tay chân tê liệt, cứng đờ, không động đậy gì được. Hoặc như thấy hình trong gương, đúng như thật mà lại chẳng có tác dụng "thật" nào cả. Tình huống này gọi là còn nằm trong phạm vi hiệu lực của Thụ Âm.

Khi không còn cảm giác "bóng đèn", tức là khi cái thân không còn khống chế cái tâm bằng cái thụ, tức là khi cái tâm (nhận thức) có thể tự do rời khỏi cái thân một cách tự tại vô ngại, thì khi ấy thiền giả được xem là đã hết Thụ âm, đã tự giải phóng khỏi sự câu thúc bởi Kiến Trược, bởi hình thái điều kiện hoá giác và minh của thân phận hữu sinh, của thân phận "vô minh".

Anan ! Thiền giả kia trong xamatha, cái tâm đã rũ bỏ được mọi mê hoặc của sắc ấm, như thế cũng có thể gọi là sáng suốt được rồi, nhưng tiếp tục phép định ở mức tập trung cao độ thì sẽ phát sinh sức cảm mạnh khi quán xét thân phận chúng sinh trên mặt hiện thực của sự sống là Thụ. Một trạng thái bị thương chiếm hữu tâm hồn, tình cảm thiền giả đến mức làm nước mắt giàn dụa không thôi. Trạng thái mãn cảm quá mức này chẳng tốt lành lắm đâu: nó chỉ là hiệu ứng kích động do giống Ma Sân Bi gây nên trong tim gan người hành thiền trên chủ đề Thụ âm, chứ không thuộc phạm trù chánh thụ. Giác ngộ được ý này thì tốt, sâu

bị rồi cũng tiêu tan; nếu không sẽ tự mình làm mình dính mắc vào cái gọi là Ai Kiến Đại Bi, có gốc gác từ tám nhân-ngã mà chìm đắm trong tình bi lụy vô nghĩa.

Thụ ám Ma có thể xuất hiện dưới dạng cảnh quan gây cảm kích cao độ, khiến thiên giả hưng phấn cực kì mà sinh lòng dũng mãnh cực kì, nói chính xác là trở thành vĩ cuồng. tự coi ngang vai với chư Phật và có thể vượt qua thời lượng khổng lồ ba atăngki trong một niệm. Tất cả đều do giống Ma Ngông Cuồng chui vào tim gan hoành hành mà nên nổi. Hiểu được như vậy thì không phạm sai lầm ngã mạn; không hiểu được như vậy thì trên không thấy Phật, dưới không thấy người, chính thụ không một may mắn, chỉ còn là chìm đắm cảnh mê lầm thụ ám.

Thiên giả vào xamatha với ý thức đã ra khỏi phạm vi sắc ấm, nhưng chưa hiểu biết về tác động khả dĩ của Thụ ám nên rất dễ không có chứng nghiệm mới, loanh quanh trong Trung Huỷ Địa. mảnh đất của bế tắc: tiến không biết đường, lùi lại thì sợ mất tiêu thành tựu đã đạt, do đó họ thường có khuynh hướng hoài niệm, lại cho đó là dấu hiệu của tinh tiến. Không sớm nhận ra đây là tình trạng tu hành phi trí tuệ, gây nên bởi giống Ma Nhớ hoành hành trong tim gan, chiếm đoạt cái tâm, găm nó ở một nơi, thậm chí lại ngộ nhận mình đã tinh tiến lên đến bậc Thánh, thì phép định đó là tà định, thụ tương ứng không phải là chính thụ, và người tu sẽ chìm đắm trong cảnh ma này. Còn nếu không rời chánh niệm, không để mình bị lung lạc bởi Thụ ám mà trong lúc xamatha mà tự xưng là Thánh thì vẫn không lỗi lầm gì.

Định xamatha quá căng thẳng sau khi ra khỏi phạm vi sắc ấm có thể đưa tới một trạng thái cuồng tuệ sở tri chướng, mới được một ít công phu thiền định đã cho là đủ mà tự coi mình cùng Phật Lô Xá Na không sai khác. Đây là trường hợp Ma Hạ Liệt Dị Tri Túc đã chui vào tim gan mà thao túng tâm thiên giả rồi, cho nên với mọi người thường huênh hoang đã được Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế. Trái lại, nếu trong mọi cảnh ngộ của thụ ám, không vì quá dụng tâm mà quên mất chánh tư duy, không tù túng trong nhà kho tri kiến thì vẫn vô can, không mắc sai lầm gì.

Có tình huống, trong định xamatha chỗ chứng mới chưa đạt mà cái tâm cũ từng thu hoạch thành tích hoá giải tác động của Sắc ấm mà lại có nguy cơ tiêu vong, nên sinh ra tâm lí hoảng hốt, lo sợ, bèn nghĩ chuyện tự vẫn hoặc cầu người đến giết mình để sớm được giải thoát trên cơ sở công phu tu thiền đã sở đắc. Sự đánh giá cao quá thực tế những thu hoạch thiền định này gọi là Tu Hành Sai Phương Tiện. Sớm phản tỉnh thì không có vấn đề tiêu cực gì hết. Nếu khăng khăng cho mình đã chứng Thánh và muốn bảo toàn Thánh quả bằng cách nhanh chóng đi vào cõi vĩnh hằng thì đó chính là sức thúc bách của giống Ma Lo Rầu phục trong tim gan, cuối cùng đẩy thiên giả đến chỗ tay cầm gươm đao tự cắt thịt mình, hoặc chạy vào rừng sâu xa lánh mọi người, giống như hiện tượng thế nhân vẫn gọi là "động đại lên rừng".

Sắc ấm đã tiêu, vào định xamatha ở nơi vắng vẻ, tĩnh lặng có thể tạo nên một trạng thái hưng phấn cao độ. một niềm vui vô hạn không duyên cớ, một tình huống của Khinh An phi trí tuệ. Biết ra đây là hiệu ứng của xamatha trên chủ đề Thụ ám mà bỏ qua thì vô can, nhưng nếu mừng mừng, tủi tủi, những tưởng mình đã chứng Thánh thì tức là đã biến mình thành thú đồ chơi trong tay giống Ma Thích Vui chui vào tim gan, rồi gặp ai ngoài đường cũng sẽ cười cười, nói nói, rồi múa may, ca hát, cho đó là biểu hiện của Giải Thoát Vô Ngại. Không có gì là chính thụ ở đây hết, chỉ có sự chìm đắm của tà định vào cảnh ma thụ ám.

Một tình huống ngộ nhận tương tự, cũng tự mãn cho là mình tu đã thành chính quả, rồi sinh ra đủ thói ngạo mạn, quá mạn, mạn quá mạn, tăng thượng mạn, ty liệt mạn... đến mức khinh thị cả thập phương chư Phật, nói gì đến hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Tình trạng này gọi là Thẳng Giải quá cao, phi trí tuệ. Tình ngộ ra thì cũng chẳng tội lỗi gì. Nếu vẫn cứ dương dương như thế thì rồi ra giống Ma Đại Ngã Mạn chui vào tim gan sẽ còn mê hoặc đến mức tự thân không những đã không đi chùa lễ Phật, tự thân phá huỷ kinh, tượng mà còn tuyên truyền kích động dân Việt, nói bừa rằng tượng chẳng qua là đồ kim đồng, thổ mộc, kinh là đồ lá cây, giấy lụa, lại đi sùng bái; trong khi xác thân quý báu là thế thì lại thờ ơ, chảnh mảng. Kết quả là không khỏi có người tin theo luận điệu sâng bậy ấy mà chôn tượng, đốt kinh. Vào xamatha mà chìm đắm đến thế thì tránh sao không bị đoạ vào ngục Vô Gián.

Trong xamatha, cũng có khi nơi tỉnh minh, viên ngộ được tình lý, được phép Đại Tuỳ Thuận mà tâm sinh ra khinh an khôn lường, cho mình đã thành Thánh đắc đại tự tại. Đây là tình huống Trí Tuệ Khinh An, không phải dấu hiệu chứng Thánh quả gì hết, hiểu được như thế thì tốt thôi, không hiểu như thế mà cứ tiếp tục huênh hoang thì đó là chịu sự sai khiến của giống Ma Khinh Thanh chui vào tim gan mà tự đắc mình tu đã đủ, không còn gì để tiến nữa, tỷ như Vô Văn chính là kẻ rơi vào trường hợp này, gieo rắc nghi ngờ, làm lạc cho chúng sinh nên kết cục bị đoạ vào ngục Vô Gián.

Có thiên giả lúc nhập định, ngộ được tính hư không, bèn xoay sang hướng đoạn diệt, một mực kiên trì chủ nghĩa hư vô mà thẳng cánh bác bỏ luân hồi nhân quả. Sớm nhận ra sai lầm chết người của mình thì cũng chưa muộn gì, chỉ sợ để mặc Ma Rỗng Không sui bầy mà lên giọng chê bai người giữ giới luật là Tiểu Thừa, chứ một khi đã là Bồ tát, tức là đã ngộ được tính Không thì còn cái gì trên đời này mà phải trì với thủ. Thậm chí, tại nhà đàn việt tin theo, mặc sức uống rượu, ăn thịt, làm trò dâm uế; thậm chí do bị Ma nhiếp phục lâu ngày tư tưởng hư vô triệt để, còn điếm nhiên ăn cả phân đại tiện, uống tiểu tiện như mọi thứ khác, dăng hoàng phá các luật nghi nhà Phật. Tội này đương nhiên phải bị đoạ xuống ngục Vô Gián rồi.

Trong xamatha với Sắc ấm tiêu vong, quán xét cái hư minh mà phát sinh một thứ tình yêu cuồng dại như điên, từ cái tình yêu ma quái đó mà nảy nở lòng tham dục: Đó là Cảnh Định An Thuận vào tâm, phi trí tuệ sa vào Ngũ Dục, sớm phản tỉnh thì cũng chẳng tội lỗi gì, còn nếu ngộ nhận trạng thái ấy là Thánh quả thì đây chẳng qua là bị Ma Ngũ Dục chui vào tim gan thúc bách, xúc xiểm mà nói bừa rằng dâm dục là Đạo Bồ Đề toàn tính trí tuệ, lại còn tuyên truyền, xúi bầy dâm bạch y cư sĩ cứ làm tình thoải mái, chính thế mới đáng gọi là người trì pháp tử. Trong đời mạt pháp, sức nhiếp phục của Ma tăng cường cao độ, do đó tránh sao cả ngàn, cả vạn phạm phu nhiệt liệt hưởng ứng luận điệu ấy. Dục tình mãi thì rồi đến Ma cũng phải sinh chán mà chia tay với thân thể thiên giả nạn nhân của cảnh giới thụ ám. Khi ấy không còn Ma ốp. Quỷ ám, thân phạm phạm nhân lại trở về phạm nhân, mà đã là thế nhân, lại dâm dục bừa bãi thì tránh sao khỏi tội không hiệp dâm thì cũng tình ái bất chính, do đó sớm muộn gì rồi ra cũng bị pháp luật dân gian trừng trị nhục nhã. Còn sau này khi chết thì khỏi nói, xuống địa ngục Vô Gián là cái chắc.

Anan ! Mười cảnh hiện ra đó trong lúc thiên định đều là sự dần dục của cặp đồng tác giả là Thụ ám và công phu chỉ quán. Chứng nhận cảnh giới ấy mà lại

làm đặc chí, nghĩ mình đã trở thành thiền sư cao thủ lên đến hàng Thánh thì đó chính là hành tướng của tội Đại Vọng Ngữ, ngục Vô Gián chờ sẵn kẻ cuồng si đó. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp đủ thứ Thiên Ma khuấy phá đủ kiểu, nhiệm vụ của các người là phải đem lời Ta dạy buổi nay mà giáo dục chúng sinh, gìn giữ che chở chúng sinh để họ có cơ tu thành Đạo Vô Thượng của Ta.

Những Cảnh Tượng Âm Ma

Anan ! Tu tam ma đề ở trình độ ra khỏi được phạm vi của thụ ấm có thể so với người ngủ say nói mê: tuy “ngủ” có nghĩa là không hay biết trời, đất gì hết, nhưng vẫn nói được, dù gọi là nói mê, vẫn nói được đâu ra đấy, cụ thể người không ngủ nghe người ngủ nói vẫn hiểu rành mạch như nghe người thức nói vậy. Hơn nữa, xamatha ngoài phạm vi sắc ấm có hiệu ứng giải phóng tâm của thiền giả khỏi sự câu thúc của xác thân vật lí: cái tâm ấy nay có thể hoạt động tự tại không mấy chướng ngại như khi còn lụy vào hình hài dưới tác dụng của thụ ấm. Thành tựu này đặt thiền giả trước triển vọng rất tươi sáng: độc lập với phàm thân, tâm thức có điều kiện thuận lợi tiến bước trên con đường Bồ Tát Đạo qua sáu mươi Thánh Vị mà chứng đắc Y Sinh Thân, tức là cái tâm khởi lên ý nào thì liền mang cái thân tương ứng với ý đó để di chuyển bất kể khoảng cách xa gần thế nào, bất kể thời gian dài ngắn theo tính toán bình thường là bao nhiêu. Nhưng để chứng đắc Thánh quả đó, trước mắt thiền giả còn phải vượt ra ngoài phạm vi Tượng Âm hình thành trong lúc tu xamatha. Tự đâu mà có sự hình thành ấy ? Phạm vi thụ ấm hết hiệu lực, những thụ cảm hiện hành bị vô hiệu hoá, trạng thái vô cảm này tạo tiền đề cho khả năng giao cảm với Đạo Giải Thoát của chư Phật và loại trừ tình huống tự tâm thiền giả phóng chiếu ra các cảnh Ma để gây trở ngại cho chính định; nhưng những thụ cảm quá khứ vẫn còn đó trong trí nhớ, đúng hơn trong Alaya thức, để thiền giả tưởng đến. Chính những Y, những TRI THỨC tồn lưu ấy sẽ hoạt động như những hạt bụi bắn trên mặt gương Nhận Thức, đó là nguồn gốc của Tượng Âm, cấu trúc hoá bởi thụ, thụ động lại dưới dạng ý, hay khái niệm còn gọi là danh, danh này vật chất hoá trong từ, trong ngôn ngữ, trong văn tự, gộp chung một tên gọi là sắc. Danh sắc này rồi ra có tác dụng của một khuôn mẫu, qua đó các thụ tướng có hình thái ít nhiều tương tự được cấu thành, nói cách khác danh sắc có tác dụng sai khiến thân tâm hoạt động trên đường mòn của căn nghiệp chúng sinh. Nguồn gốc tượng âm biểu tượng cho hành tướng của Vọng Tượng, nói cách khác nó được hàm dung trong vọng tượng và thông qua vọng tượng mà hiện hành; nó chính là hình thái tồn tại thế tục của Phiền Nã Trược. Những cảnh tượng âm ma không do cái tâm của thiền giả vào xamatha phóng chiếu ra, mà lại do những thế lực bên ngoài, do Thiên Ma dàn dựng nên. Thiền giả vào tam ma đề với ý chí mãnh liệt sớm thành tựu viên minh hay năng lực nhìn rõ tỏ tường lí do đầy đủ của mọi hiện hữu, với lòng tham cầu mọi phương tiện thiện xảo sẵn sàng trong tay để sử dụng khi tình huống bất kì xảy ra. Cái tâm lí nóng vội ấy, côi rẻ, quanh đi quẩn lại, vẫn là Ngã Trược, mang hình thái, chẳng xa thì gần, vẫn là Ngã Tướng. Đây đúng là thời cơ cho Thiên Ma gá nhân cách của nó vào sắc thân thiền giả, khiến thiền giả tự khoe mình đã được Vô Thượng Niết Bàn, rồi, dưới sắc thân, hoặc là tỷ khưu, hoặc là Đế Thích, hoặc là phụ nữ..., rực rỡ trong hào quang chói lọi, đàng hoàng trải pháp toạ, sang sảng thuyết pháp như rồng bay, phượng múa; những là may rủi, vận số thế nhân khôn lường; những là kiếp hoả, đao binh, khủng bố thế nhân khôn tránh, những là Phật giáng trần ở nơi mô, nơi tề, cuối cùng xúi bẩy mọi người nên tranh thủ cơ hội để thỏa lòng tham dục, khát ái, khiến ai nghe cũng phải hết lòng bái phục và rậm rạp

làm theo lời chỉ dạy. Thiên Ma này nguyên thuộc giống Quái Quỷ, về già thành Ma, chuyên nghề khuấy rối người tu hành. Quấy phá một thời gian chán chê rồi Ma cũng đến lúc ngán dục mà rời bỏ thân xác thiên giả. Ma ra đi, còn trơ một thể nhân làm bấy nhiều lần vô can, nay không còn hưởng sự che chở của Ma nên chẳng bao lâu sa vào tay pháp luật trên dương thế, sau này khi mệnh kiệt, thân tàn, vừa trọn hết kiếp người thì lại bắt đầu ngay lập tức kiếp địa ngục Vô Gián.

Nếu vào tam ma để với lòng tham cầu thông dong nơi cảnh lạ non xa thì lập tức Thiên Ma sẽ chớp lấy cơ hội cái tâm chấp ngã của thiên giả phóng xuất dưới dạng mê cầu dục vọng mà lấy tinh thần nó gá vào người này. Từ nay nơi thân xác người đó, mọi ngôn từ, hành động không còn do người đó làm tác giả, mà hoàn toàn do Ma thực hiện. Người đó, vẫn hình hài cũ, ở đâu cũng bỏ bộ mình đã chứng Vô Thượng Niết Bàn, rồi trái pháp toạ thuyết pháp, rồi ám thị thôi miên quần chúng thánh giả, khiến ai cũng đều tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu, toàn thân chói sáng như đắp vàng, thực là điều chưa từng bao giờ xảy ra. Đã thế miệng Ma còn thao thao nói như thật: nào là Phật nọ Phật kia giáng thế ở chỗ này chỗ nọ, nào là ông Kèo bà Cột đến thuyết pháp chính là Bồ tát A, Bồ tát B, đợi lúc người nghe đã hết lòng hâm mộ, rầm rập tin theo, Ma mới thực thi kế hoạch, tức là tuyên truyền ngu dân, xuyên tạc bậy bạ như Bồ tát đạo, Bồ tát hạnh chính là tham dục, chính là dâm dục thoả mái. Ma này nguyên thuộc giống Bạt Quỷ, về già thành Ma chuyên đi khuấy rối người tu hành. Khuấy mãi đến khi chán thì Ma bỏ đi, để lại nạn nhân khi sống bị luật pháp thế gian trừng phạt vì tội dâm ô, khi chết bị đọa vào ngục Vô Gián vì tội đầu độc tâm trí chúng sinh.

Tham cầu sở đắc chân lí cũng sẽ tạo nên những cơ hội cho giống Mỹ Quỷ về già thành Ma đến phá thành quả tu hành của thiên giả vào xamatha mà lại mang nặng cái tướng dâm là ưu điểm, tức là lòng say mê chân lí. Ma cướp lấy thân thể thiên giả, rồi xưng xưng tuyên bố đã chứng đắc Vô Thượng Niết Bàn, rồi trái pháp toạ thuyết pháp, rồi dùng tà thuật khiến thánh chúng, tuy thấy thân thể, hình hài mình không thay đổi, nhưng lại cảm thấy đã chứng đắc hoặc tức mạng thông, hoặc tha tâm thông, nên hoặc nhìn rõ cả cảnh địa ngục, hoặc biết rõ việc hay dở thế gian, hoặc tụng kinh lâu lâu, hoặc nói kệ sang sảng, kì diệu chưa từng có. Cuối cùng ngộ nhận lung tung, này là Bồ tát A, này là Bồ tát B, này là Phật thật, này là Phật giả, này là Phật trai, này là Phật gái, Phật Z là hậu sinh sơ với Phật J, Phật X cao cấp hơn Phật Y. Lắm nhảm một thời rồi chán bỏ đi, để mặc nạn nhân hứng chịu mọi hậu quả thế thậm như pháp luật trừng phạt nơi dương thế, luật quả báo đày vào ngục A Tỳ cõi âm giới.

Cùng với khuynh hướng thiên trọng lí tính như trên, lòng say mê tìm hiểu nguyên nhân tối hậu của sự vật trong thế giới hiện tượng sẽ tạo cơ hội cho Thiên Ma thuộc giống Cổ Độc Quỷ và Ap Thắng Quỷ, về già thoái hoá thành Ma chui vào thân tâm mà sai khiến người tu xamatha ưa thích phân tích sự vật trong tiến trình chuyển hoá. Người ấy bị Ma ốp Quỷ ám mà không hay biết, mồm xưng

xưng khoe đã chứng Vô Thượng Niết Bàn, rồi lại trắng trợn tung ra những luận điệu cực kì sảng bậy như cái gọi là Niết Bàn, là Bồ Đề, là Pháp Thân của chư Phật chẳng phải cái gì khác hơn là xác thịt, là nhục dục đang có đấy. Cha ư, Con ư, sự nối tiếp đời này sang đời khác, đấy chính là Pháp Thân Thường Trụ, là cái hiện đang có đấy, là cái quen gọi là Cõi Phật, là cõi Tịnh cư, là Thân Kim Sắc ở ngay đây này, ở chính lúc này này, việc gì phải tìm đâu xa. Miệng, tai, mũi, lưỡi là Tịnh Độ đấy, bộ phận sinh dục nam, nữ chính là Bồ Đề, là Niết Bàn đấy, chớ

có mơ hồ chạy theo ảo tưởng mà thiệt một đời. Người nghe cũng thấy bùi tai, gia dĩ Ma ấy không phải không có uy thần hỗ trợ cho lời nói của nó, kết quả nhiều người cảm phục, những tưởng người thuyết pháp kia chính là Bồ tát chẳng sai. một mực nghe Ma xúi bẩy mà diêm nhiên phá luật nghi của Phật, đua nhau làm việc dâm dục, không xem đó là việc làm bất tịnh như Phật thường dạy. Sau một thời gian nào đó, chán rồi Ma liền bỏ đi, còn kẻ theo Ma nói bậy, làm sằng dương nhiên phải chịu tội cội nhân gian, tiếp đó lại chịu án dưới ngục A Tỳ.

Nếu thiên giả vào xamatha để mưu cầu khả năng biết rõ các việc quá khứ, tương lai thì cái tâm ưa làm chuyện lạ để được nổi bật ấy là một mảnh đất tốt cho Thiên Ma hoành hành: giống Lê Quý, về già thoái hoá thành Ma, chui vào tim gan kẻ kia mà sai khiến phát ngôn bừa bãi, đồng thời thi triển tà thuật, làm cho thánh chúng cảm thấy như mình đã sống cả trăm ngàn tuổi, tâm sinh ái nhiễm mà sằng sằng, như nô lệ, đem thân cung phụng kẻ kia, tâm sinh pháp ái mà tôn thờ kẻ kia như tiên sư. Thiên giả kia bị Ma ộp nên thành mê muội, chẳng biết đâu là chính, đâu là tà mà hăng hái kết liên với Ma, phá luật nghi của Phật, lén lút làm việc dâm dục, lại ba hoa kiếp trước, ở thời nọ thời kia, chính mình từng độ cho người này người khác, họ vốn là thê thiếp, là anh em trong kiếp đó, nay ta lại tiếp tục độ cho để cùng nhau được sinh vào cảnh giới nọ, cảnh giới kia, được gần Phật nọ, Phật kia; hoặc nói như dao chém thớt về cội trời Đại Quang Minh, nơi nghỉ ngơi của tất cả các Đức Như Lai. Thánh chúng ngu muội, nghe sao tin vậy mà bỏ mất bản tâm của mình. Khi Ma chán bỏ đi, thiên giả kia tro chơi một mình chịu hình phạt, trước ở cội nhân gian, sau ở ngục A Tỳ.

Cái tâm tham cầu những điều tưởng đâu, ít nữa là vô hại của thiên giả, tỉ như thích chỗ vắng vẻ, ưa sự yên tĩnh để có thể truy tìm cái Lí của vạn pháp, dù phải gian khổ, phải cần mẫn đến đâu, lại cũng là một cơ hội cho Thiên Ma lợi dụng: giống Đại Lực Quý, tuổi già thành Ma chộp dịp gá hôn vào thiên giả nọ. Người này không biết mình đã bị Quý ám, trái lại ngộ nhận đã chứng Vô Thượng Niết Bàn, rồi xưng xưng khẳng định nào người này đang nghĩ điều gì, nào người kia chính thực là xúc sinh, giống ấy, giống ấy; nào rồi đây, vào năm ấy, tháng ấy sẽ xảy ra hoan nộ, phúc kia..., mà quả thật thánh chúng đều tận mắt nhìn, tận tai nghe thấy thế thật, nên càng ra sức tôn sùng, rồi tin theo đến chỗ cũng bắt chước, a dua chê bai tỷ khưu, mắng nhiếc quân chúng tín đồ, bới móc việc riêng..., làm lung tung tất cả. Sau này khi Ma bỏ đi, thiên giả kia không còn uy thần, lộ mặt làm càn, nói bậy mà phải chịu tội dương gian, âm giới.

Thiên giả vào tam ma để để cầu túc mạng thông, cái tâm tham khát ấy sẽ hấp dẫn Thiên Ma kéo đến, gá tinh thần vào thiên giả. Thiên Ma này có nguồn gốc là quỷ thần núi rừng, là thổ địa, thành hoàng sông núi, thoái hoá thành Ma. Bị Ma ộp mà không hay biết, thiên giả kia mặc nhiên tự coi đã chứng Vô Thượng Niết Bàn, qua tay Ma thi triển nhiều công năng thần kì như mồm thuyết pháp, tay cầm hạt châu lớn, có con vật do Ma biến hoá, miệng ngậm hạt châu cùng những đồ hiếm quý như trân bảo, giản sách, phù độc đến cọ sát thiên giả. Người này, do sức Ma chấp trì nên cũng theo thói Ma chuyên chỉ ăn cây cò, mỗi bữa vài ba hạt vừng, hạt mạch mà thân thể vẫn béo tốt, lại chỉ rõ chỗ này chỗ kia có chôn đá quý minh nguyệt, soi sáng cả vùng, lại xác định những nơi chứa kho báu, những chỗ ẩn cư của các bậc thánh hiền thập phương, lại thường được tháp tùng bởi đủ loại dị nhân, kì quái, khiến hàng thánh chúng hết lòng tâm phục khẩu phục mà rồi làm theo những lời xúi bẩy, nào chê bai tỷ khưu, nào mắng nhiếc đồ chúng, nào tiết

lộ thiên cơ, cuối cùng phá giới luật nhà Phật, đua nhau làm chuyện dâm dục, nói chung chẳng tị hiềm nhất định một việc gì, một điều gì. Ma khuấy chán bỏ đi không gá nữa, còn lại người nói bậy, kẻ làm sang phải hứng chịu tội lỗi.

Nếu đem cái tâm mong cầu pháp thuật, thần thông vào tam ma để thì người đó rất dễ bị mê hoặc bởi loại Ma thoái hoá từ các giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh, các giống cỏ cây thành tinh, trải qua nhiều kiếp, có sức lớn trong trời đất, các giống tiên đã cạn phúc nghiệp, đáng ra phải đi đầu thai làm một kiếp sống khác nhưng do hình hài không bị hư nát nên bị các loài quái khác gá vào. Thiên Ma dùng tà thuật khiến cho người kia tự nhiên có tài thi triển được nhiều quyền năng kì diệu như tay cầm lửa chĩa vào đầu thánh chúng, lửa bốc cao nhiều thước mà thánh chúng không hề hấn gì; hoặc đi trên mặt nước như đi trên đất liền; hoặc kiết già lơ lửng giữa không trung; hoặc chui vào bình kín mà bình vẫn nguyên vẹn, không vết nứt, vết rạch; hoặc đi xuyên qua tường, qua vách không bị ngăn ngại; hoặc làm hiện ra trước mắt thánh chúng cảnh quan gọi là cõi Phật; chỉ còn chưa vô hiệu hoá được tuyệt đối khả năng sát thương của vũ khí. Thánh chúng đương nhiên là quá kính phục, nên khi kẻ kia tự xưng mình là Phật thì mọi người, kể cả hàng tỷ khuru xuất gia, đều răm rắp phục xuống đỉnh lễ rất ư cung kính, rồi cũng theo kẻ kia mà chê bai Thiên Luật, mắng nhiếc đồ chúng, rêu dao việc riêng tư, ca ngợi việc dâm dục, diễm nhiên làm mọi chuyện thô tục, bịa chuyện ôm ấp nhau, ấy là truyền pháp. Ma khống chế kẻ kia một thời gian rồi bỏ đi, để mặc cả thầy lẫn trò sa lưới pháp luật, rồi bị đoạ xuống ngục A Tỳ.

Chuyên chú định cao độ trên chủ đề KHÔNG tuyệt đối, tự thân ý đồ đã hàm ý cuồng tuệ lạnh lùng, vô hình chung tự đẩy mình vào tay Thiên Ma thao túng, loài này nguyên là giống tinh khí của nhật, nguyệt, kim, ngọc, chi thảo, lân, phượng, quy, hạc trải qua ngàn vạn năm không chết mà làm tinh linh sinh ra trong các quốc độ, lâu ngày thoái hoá thành Ma chuyên khuấy phá người tu hành. Chúng cho tinh thần gá vào người kia mà nạn nhân vẫn không hay biết, sai khiến người đó tự khoe đã được Vô Thượng Niết Bàn, rồi đến trước đại chúng cùng cái tâm tham cầu giống như mình, nhờ thần thông của Ma mà có thể hoá lúc biến, lúc hiện, hoặc khi còn, khi mất; hoặc hiện thân rồng xuất như ngọc lưu ly; hoặc cứ đuổi chân, đuổi tay là phát ra mùi thơm như chiên đàn; hoặc đại, tiểu tiện như đường phèn cứng chắc, khiến tứ chúng phải khiếp phục, lúc đó mới dùng lời lẽ sâng bậy mê hoặc mọi người, tì như chê bai, phá hoại giới luật, khinh rẽ những người xuất gia, phủ định lí nhân quả mà chủ trương chết là hết, là diệt hân, không làm gì còn cái gọi là luân hồi, là thân sau, là hậu kiếp. Phạm cũng như Thánh, dù hành phép không tịch, thực tế vẫn lén làm việc tham dục, thụ lĩnh dâm dục mà vẫn cứ được tâm rộng không vắng lặng, mà không chịu luân hồi, quả báo chỉ hết. Khi Ma chán tuyên truyền đầu độc thánh chúng liền rời bỏ kẻ kia, để mặc cả người thuyết pháp lẫn kẻ nghe pháp chịu hình phạt của cả cõi dương lẫn cõi âm.

Vào tam ma để với cái tâm tham cầu sống lâu ngàn vạn tuổi, tương ứng với tư tưởng phi phân đoạn, tức là không còn sống, chết gián cách, vượt ra ngoài chu kì biến dịch sinh, tử mà thường trụ vĩnh hằng, chẳng qua vẫn là một biến tướng Ngã Trước. Đương nhiên Thiên Ma đầu để lỡ cơ hội khuấy phá việc tu hành, liền cho tinh thần gá vào người kia, khiến cho có tài thuyết pháp thu phục những người vốn cũng có ước mong sống mãi với trời đất. Gia dĩ người kia, thông qua tay Ma mà có thể thi triển nhiều công năng khiến thế nhân hết lòng khâm phục, tì như,

dù nơi xa vạn dặm vẫn có thể đi tới tận nơi quan sát mọi việc ở đó rồi quay về tường thuật lại không sai một chi tiết nhỏ, kẻ cả đem về một vật chứng ở chính nơi đó, tất cả mọi việc đi, về xảy ra chỉ trong nháy mắt; hoặc ngay trong căn nhà nhỏ hẹp không quá vài bước mà vẫn làm cho mọi người, chỉ có việc đi từ vách Đông sang vách Tây mà mất cả tháng, cả năm vẫn không đi hết. Trước những phép thuật kì vĩ đó, mọi người đều tin đây đúng là Đức Phật hiện tiền chẳng sai và răm rắp nghe theo những luận điệu cực kì ngạo mạn như chính ta sinh ra thập phương chúng sinh, sinh ra thập phương chư Phật, sinh ra thế giới vũ trụ, ta là vị Phật đầu tiên, tự nhiên mà có, chẳng vì cái gì như tu hành, như đắc đạo mà thành ra. Loài này là Ma Trụ Thế Tự Tại Thiên, chính chúng đã từng khiến cho bọn cùng có cái tâm khao khát hư minh ấy là bọn Giá Văn Trà, Tỳ Xá Đồng Tử ở cõi Tứ Thiên Vương tìm an tịnh khí người tu hành, hoặc tự xưng Cháp Kim Cương Thân đến ban trường thọ cho kẻ kia; hoặc hiện thân gái đẹp, cổ võ việc dâm dục khiến kẻ kia chìm đắm vào khoái lạc xác thịt mà chưa đầy một năm khí huyết khô kiệt, tinh thần hôn mê, nói năng lảm nhảm rồi lăn ra chết trước cả khi lĩnh án thế gian, nhưng án ở ngục A Tỳ thì làm sao thoát được.

Anan ! Mười thứ Ma đó, trong đời mạt pháp sẽ hoành hành rất sôi nổi, hoặc dưới dạng con người, thậm chí dưới dạng phật tử xuất gia, thậm chí công khai dưới dạng ma, dạng nào thì cũng khoe mình đã chứng Chánh Biến Tri Giác, rồi ca ngợi dâm dục, phá giới luật nhà Phật, mê hoặc đông đảo chúng sinh tin theo làm việc dâm dục, hết thế hệ này sang thế hệ khác cả trăm đời. tạo nên một trào lưu lôi kéo cả người tu hành chân chính bỏ Chính Biến Tri mà theo làm dân ma, để đến nỗi sau khi mạng chung bị đọa vào ngục Vô Gián.

Tình hình sau này là như vậy nên Ta bảo người, Anan, dầu có chứng quả vô học thì cũng chớ vội vào Niết Bàn mà hãy phát nguyện ở lại trong đời mạt pháp, đem lòng đại bi cứu độ chúng sinh khỏi mắc tà kiến của mười thứ Ma đó. Ta đã độ cho người ra khỏi được vòng sinh tử, nay người hãy vâng lời Ta truyền dạy, đó là cách báo ơn Phật vậy.

Anan ! Mười cảnh ma hiện ra trong lúc thiền định là sản phẩm của Tướng ám phối hợp với dụng tâm, định lực. Những kẻ ngu mê mà lại ham chuộng xamatha thường hay thiếu tự lượng khi gặp cảnh ma mà nhầm tưởng mình đã thành Thánh, do đó mắc tội đại vọng ngữ, rồi ra sẽ bị đọa vào ngục Vô Gián. Sau khi Ta diệt độ, vào đời mạt pháp, chúng Ma tăng cường hoạt động, các người phải dốc lòng ghi nhớ lời Ta chỉ dạy hôm nay, rồi mai này biết đường giáo dục chúng sinh tỏ ngộ nghĩa đó mà che chở được cho họ khỏi rơi vào vòng khống chế của Ma, mà dẫn dắt họ noi theo đường chính để thành đạo Vô Thượng.

Những Ma Sự Thuộc Hành Âm.

Anan ! Thiền giả vào tam ma để với phẩm chất của một con người không còn bị khống chế bởi tướng ám, tức là một con người tự do khỏi sự chới buộc của quá khứ, của kỉ niệm, của kinh nghiệm, của tri thức, gộp chung là của Ý, của Niệm, nhờ đó, khi thức khi ngủ, vẫn giữ một tâm thể nhất như, tĩnh lặng, rỗng không, bất động trước mọi tiến triển và đập vào thân tâm, như thế người ấy còn gì nữa để vẫn gọi được là một sinh thể ? Một sinh thể không chỉ là một tập hợp những yếu tố cấu thành trong hiện kiếp mà còn là sự tiếp tục những gì đã có, đã làm trong tiền kiếp. Sự thủ tiêu thụ ám, tướng ám chỉ có ý nghĩa với cái hiện hành, do đó người kia vẫn còn là sinh thể theo nghĩa thông thường, theo nghĩa chưa được giải phóng khỏi sự quy định của Hành ám, chưa ra khỏi phạm vi của hành ám, chưa

thoát ly được chúng sinh trước. Nói cụ thể, người kia tuy đã thấy được chu trình chuyển hoá của 12 loài chúng sinh, hay cơ sở sinh diệt chung cho muôn loài, chợt sinh, chợt hiện chẳng khác những hạt bụi lã xã lúc sáng lúc tối trong ánh nắng rơi vào buồng tối, gọi là bóng dã mã, nhưng lại lịch mỗi cá thể còn chưa nắm được, và quan trọng nhất là chưa quy được những hiện tượng chớp nhoáng u ám đó về cái bản nguyên tĩnh lặng. Nói cách khác, mới thấy sóng mà chưa thấy nước, mới thấy tướng sai khác nơi vạn pháp mà chưa thấy thể chân như diệu hữu. Chính vấn đề còn tù mù này đối với thiền giả mà khiến người ấy chìm sâu vào chủ đề cội gốc sinh diệt của hiện thực biến dịch, đây là chỗ thể hiện của cuồng tuệ đi tìm lí viên nguyên. Mặc dù thiền giả giờ đây nhờ đã ra khỏi phạm vi thụ ám, phạm vi tướng ám nên tâm thức thường xuyên ở trạng thái tĩnh lặng, không xáo động bởi tạp niệm, nói vắn tắt chính tâm tịch mịch, sáng suốt, nên không còn loại Thiên Ma nào có thể mê hoặc trong cảnh giới thiền định được nữa, nhưng trạng thái mê mải suy tư về dịch lí lại đẩy người kia sa vào những lỗi lầm về mặt nhận thức luận. Những lỗi lầm này tạo thành không bởi những sự tương độc lập với người ấy, cụ thể là các Ma sự như khi còn bị thụ ám, tướng ám khống chế, mà bởi những sự tương bên trong gọi là Lí Ma

Trước tiên lỗi lầm vì chủ trương Vô Nhân Luận. Có hai loại:

Một là, người kia vì đã thấy được cơ sở sinh diệt chung nên có thể nương theo tám trăm tính năng của nhơn căn mà nhìn suốt thời lượng tám muôn kiếp, thấy rõ chúng sinh sinh nơi này, chết nơi kia, xoay vần, đời đời trên dòng nghiệp báo. Khả năng chỉ nhìn được hiện tượng luân hồi trong phạm vi tám muôn kiếp, ngoài khoảng đó thì tù mù chẳng thấy chi hết nên ngoại suy bừa ra rằng bên kia biên giới của thời lượng tám muôn kiếp đó, thập phương chúng sinh trong cả thế giới này vốn tự hữu, tự nhiên mà có, chẳng do nguyên nhân nào hết. Quan điểm đó là của ngoại đạo, sai khác với chính biến tri, xa đời trí tuệ Bồ Đề.

Hai là, người kia nhận thấy trong tám muôn kiếp, người lại sinh người, chim lại sinh chim, quạ luôn luôn đen, hạc luôn luôn trắng, loài người, loài trời có tư thế đứng thẳng, loài súc sinh tư thế nằm ngang, sắc trắng không do tẩy rửa mà thành, sắc đen không do nhuộm nhúng mà nên. Cứ thế, suốt tám muôn kiếp, hết đời này sang đời khác, trước sao sau vậy, xưa thế nào nay thế ấy. Sự vật là vậy, hiện hữu là vậy, chẳng có nguyên nhân, lí do gì ráo mà tìm tòi, truy cứu. Kể cả trí tuệ Bồ Đề có đâu mà lo việc thành đạo Bồ Đề. Tất nhiên đây là quan điểm của ngoại đạo, bỏ mất chính biến tri, bỏ mất tính Bồ Đề.

Vô Nhân Luận, bất kể loại Một, loại Hai, được gọi là Ngoại Đạo Thứ Nhất.

Tiếp đến là sai lầm của Viên Thường Luận. Có bốn loại:

Một là, người kia truy cứu bản tính của tâm và cảnh, không thấy đâu là nguyên nhân. Nhìn lại hai muôn kiếp thấy chúng sinh sinh diệt, diệt sinh, bản thể đời này đời kia không đổi, không tan biến đi đâu mà vẫn thường hằng, thường trụ, bản chủ trương tất cả đều là Thường, là Hữu Thường.

Hai là, người kia truy cứu tứ đại thấy tứ đại bản chất bất biến, thường hằng, thường trụ. Nhìn lại bốn muôn kiếp thấy chúng sinh thập phương đầu đầu cũng vậy, cũng đều có bản thể cố định, thường hằng, chẳng hề tiêu vong nên suy bừa ra rằng tất cả đều là Thường, là Hữu Thường.

Ba là, người kia truy cứu nguyên nhân tự thân, nguyên nhân bản lai của sáu căn, của sự hiện hữu Manas Thức nơi mỗi cá thể, của tâm, ý, thức, thì thấy đầu đầu

cũng ngần ấy thứ, thường xuyên, phổ biến như vậy. Nhìn lại tám muôn kiếp thấy tất cả mọi loại chúng sinh tuy xoay vần, chuyển hoá nhưng vẫn không ra ngoài cái khuôn viên thường trụ đó, bèn đưa ra luận điểm tất cả đều là Thường, là Hữu Thường.

Bốn là, người kia nghĩ rằng tướng ấm một khi tiêu vong, tư tưởng sinh diệt không còn tồn tại, thì còn gì nữa để tướng về, để lưu chuyển, còn gì nữa đâu ngoài sự tịch mịch, lặng lẽ có đấy, thường trụ đấy, cho nên mới chủ trương tất cả đều là Thường, là Hữu Thường.

Viên Thường Luận là tư tưởng của ngoại đạo thứ Hai, xa rời chính biến tri, xa rời tính Bồ Đề.

Nếu quán xét cội gốc sinh hoạt, cội gốc quá trình vận động của hiện tượng hữu sinh, hiện tượng trao đổi chất trong tinh thần nhị nguyên nhân-ngã, thì thiên giả có thể mắc vào bốn kiến chấp điên đảo, có chung nội dung cốt lõi là luận điểm "vừa vô thường, vừa hữu thường".

Một là, người kia quán xét cái tâm tĩnh lặng, vừa diệu vừa minh, bao trùm khắp hư không, cho đó chính là Thân Ngã, còn mọi hiện hữu khác, kể cả các loài chúng sinh đều chỉ do cái tâm ấy, cái Thân Ngã ấy, nói gọn lại, chỉ do cái Ngã, cái Tôi phóng chiếu ra mà thôi. Tâm ta thì tĩnh lặng nên hữu thường, còn sản phẩm của nó, chúng sinh và thế giới thì sinh diệt, nên vô thường.

Hai là, thay vì cái tâm, người kia lại quán xét sự vật, vạn pháp trong khắp hằng sa quốc độ của mười phương thế giới, thấy nơi có, nơi không có kiếp tai pha hoại, bèn quyết định tính hữu thường, vô thường trên căn bản có hay không có kiếp tai phá hoại.

Ba là, người kia quán xét riêng cái tâm của mình, quả thực cái tâm ấy là một hiện hữu hết sức tinh tế, khó thấy như vi trần, lưu chuyển trong mười phương hư không mà tính của nó vẫn không dời đổi, tức là nó hữu thường, tâm hữu thường, còn cái thân do cái tâm khiến cho khi sinh, khi diệt là hiện thực vô thường.

Bốn là, người kia tuy ra ngoài được phạm vi ảnh hưởng của tướng ấm như tác nhân mê hoặc của cơ cấu ba ấm hiện hữu, nhưng vẫn còn mang "di chứng" của tiền kiếp, vẫn còn trao đảo trên dòng hành ấm nên chấp luôn cái vận động thường xuyên ấy của hành ấm là hữu thường, nói gọn lại, hành ấm là hữu thường, còn ba ấm kia nay đã diệt rồi thì có tính vô thường.

Luận điểm này là sự sa đoạ vào ngoại đạo thứ Ba.

Nếu thiên giả vào tam ma đề, cũng chuyên chú quán xét cùng đề tài trên, nhưng trong tinh thần chấp trước, thiên trọng phạm vi hay thân phận bị điều kiện hoá của mỗi loại hữu sinh thì người kia lại dễ sa vào bốn thứ Hữu Biên Luận:

Một là, khi tư duy phân tích nguồn gốc của chu trình sinh diệt miên viễn, người kia sẽ quan niệm cái tương tục của thời gian là hiện tượng là hữu biên với hai đầu là quá khứ và vị lai, sẽ quan niệm cái tương tục của tâm là thực thể vô biên, vì là phiếm định, là bất khả khu trú trong bất kỳ một khuôn viên nào có thể tưởng tượng được.

Hai là, trong giới hạn của thời gian là muôn kiếp, người kia bằng cái tâm mà thấy được chúng sinh, ngoài phạm vi muôn kiếp ấy thì, do thiên nhân còn yếu kém

1125
nên bất không thấy gì, từ đó ngoại suy ra rằng chỗ không thấy biết gì cả là vô biên, còn chỗ có thấy biết chúng sinh, ấy chính là hữu biên vậy.

Ba là, người kia tự cho mình đã biết cùng khắp mọi điều, như vậy bản thân chính là vô biên rồi, còn những người khác, họ hiện ra trong cái biết của mình, nhưng bản thân họ lại không hề nhận ra được tính biết, cho nên rõ ràng họ chẳng hề sở đắc cái tâm vô biên mà chỉ đeo bông cái tâm hữu biên.

Bốn là, khi người kia có ý đồ diệt trừ hành ẩn qua trung gian của tâm quán xét. ở đây là tri kiến của người ấy, từ đó đi đến nhận định mỗi chúng sinh trong xác thân tương ứng đều vừa sinh vừa diệt; mỗi sự vật trong thế giới đều vừa hữu biên vừa vô biên.

Với lối tư duy ấy, dựa trên các tính vô biên hữu biên, người kia sa lạc vào ngoại đạo thứ Tư mà mất tính Bồ Đề.

Cùng thiên đề trên nhưng nặng mặt tri kiến, tức là theo tinh thần nhận thức thế tục dựa trên giác quan và trí nhớ thì lại rơi vào bốn hư vọng luận, đều là thứ “điên đảo biến kế, cần loạn bất tử”.

Một là, người kia quán xét hiện tượng biến hoá, lần đến cội nguồn của nó thì thấy có chỗ dời đổi, có chỗ tương tục; có chỗ thấy được, có chỗ không thấy được; có chỗ sự sự nối tiếp không đứt đoạn, có chỗ sự sự diễn ra gián cách nhau; có chỗ sự sinh xuất hiện, có chỗ tương đối không thấy thế, từ đó đi đến những khẳng định về “thường và biến”; về “sinh và diệt”; về “tăng và giảm”; về “có và không” từ đó nảy ra những kiến chấp rất lộn xộn, tùy tiện, tỉ như gặp người cầu pháp thì đáp rằng: “Ta nay cũng là sinh mà cũng là diệt; cũng là có mà cũng là không; cũng là thêm mà cũng là bớt”. Thực là luận điệu “bất tử”, không ai biết đường nào mà hiểu.

Hai là, người kia quán xét cái Không tương đối, rồi lấy ngay cái Không đó làm nguyên lý bản thể luận, ai hỏi pháp cũng chỉ đáp bằng một chữ Không, ngoài ra không thêm gì, bớt gì hết.

Ba là, người kia quán xét cái tâm, thấy đâu cũng là cái tâm, cũng có cái tâm bèn lấy luôn cái Có thường hằng ấy làm nguyên lý tồn tại của Trời Đất mà bất kì ai hỏi cũng chỉ đáp vắn vắn một chữ “Phải”, ngoài “phải” ra, cạy mòi cũng không nói từ nào khác.

Bốn là, người kia đi đến chấp nhận cả Không lẫn Có mà đáp lại mọi câu hỏi đặt ra cho mình một cách rất rối, rất lung tung như: “Cũng Có tức là cũng Không, trong cái cũng Không không phải là cũng Có”.

Bốn thứ luận điểm “điên đảo biến kế, cần loạn bất tử” này thuộc loại ngoại đạo thứ Năm, đương nhiên là không có một tí nào đáng gọi là tính Bồ Đề cả.

Cũng tương tự nhưng lụy vào tướng sinh diệt trên dòng thời gian vô tận mà sa vào tư tưởng điên đảo về tướng sau khi chết:

Hoặc là, khi bồi dưỡng cái thân mình mà bảo Sắc là ta; hoặc là khi cho cái ta bao trùm khắp các cõi nước mà bảo ta có Sắc; hoặc là khi thấy các tiền trần chung cục cũng là do ta thụ cảm mà có, nói cách khác đều xoay trở về ta chứ không đâu khác, từ đó bảo rằng Sắc thuộc về ta; hoặc là thấy cái ta nương theo vận động mà tương tục, từ đó bảo rằng ta ở nơi Sắc. Lối lập luận này đưa đến chủ trương, hoặc sau khi chết có cả thấy 18 tướng xoay vần như thế; hoặc Bồ Đề và Phàm

Não, nói đến chỗ thật triệt để, tồn tại riêng biệt, cái nào riêng cái ấy, không có đâu chuyện lộn lạo.

Những luận điệu điên đảo này gọi là ngoại đạo thứ Sáu.

Thiền giả vào xamatha với bản lĩnh của người đã vô hiệu hoá ba ám Sắc, Thụ và Tưởng, tuy đây là một thuận lợi lớn vì nhờ đó mà có chính tâm lặng lẽ, sáng suốt, đồng thời cũng chính vì đó mà lại dễ sa vào những tư tưởng điên đảo như khẳng định sau khi chết không có tướng.

Người kia nghĩ rằng Sắc ám đã tiêu vong thì thân kia cấu tạo bằng chất liệu gì nữa mà chẳng tiêu vong theo; tướng ám đã diệt thì tâm kia còn chỗ nào để bám víu, để hoạt động; thụ ám đã không còn thì có chỗ nào đây cho tương tác với tiền trần có ý nghĩa. Một con người hội đầy đủ yếu tố sinh lí của sự sống mà không thụ cái gì hết, không tưởng đến cái gì hết thì người đó khác chi đất, đá vô tri. Sống đã vậy, đã không thể nắm bắt cái hành tướng của nó, nội chi sau khi chết, lấy cái gì làm tướng đây? Tóm lại sau khi chết, không hề có tướng cho ai hết. Từ đó nêu lên tám thứ vô tướng luận. Hoặc chủ trương cả Niết Bàn, cả Nhân Quả đều là Không. Niết Bàn, Nhân Quả còn thế, huống hồ danh, sắc! Cho nên tất cả rốt ráo đều là Đoạn Diệt cả mà thôi. Luận điệu này thuộc ngoại đạo thứ Bảy

Hoặc suy nghĩ rằng nếu Thụ, Tưởng đều đã diệt vong, đã không có mà hành ám lại vẫn tồn tại thì điều này có nghĩa là Có và Không vẫn có thể song hành mà không nhất thiết phải loại trừ nhau, do đó cũng có nghĩa là "hiện thực" sau khi chết không phải Có, cũng không phải Không. Người ấy còn lập luận rằng Sắc, Thụ, Tưởng có đó mà rồi lại không phải cô; Hành ám chuyển dịch, ai thấy bao giờ mà nói là có, ấy vậy hành ám mà cũng không thì lấy gì làm then chốt cho luân hồi, cho sự sống? Cho nên Ngũ Âm xoay vần cùng tội mà thành tám tướng "không phải Có, không phải Không". Do đó sau khi chết, cái còn đó là có tướng, mà cũng là không có tướng. Luận điệu lộn lạo hư với thực, thực với hư này còn được khái quát hoá trên phạm trù Có-Không: Sau khi chết, sự thật là không phải Có, cũng không phải Không. Quan điểm mù mù, mờ mờ ấy gọi là ngoại đạo thứ Tám rất ư là điên đảo.

Thuộc ngoại đạo thứ Chín là bảy thứ đoạn diệt luận chủ trương hoặc thân thể tiêu vong là diệt; hoặc ngũ dục hết là diệt; hoặc khổ mất là diệt; hoặc cực vui là diệt; hoặc xả hết là diệt, cứ thế xoay vần đến chỗ diệt, diệt vĩnh viễn, không làm gì có chuyện tái diễn cả. Tất nhiên quan điểm ấy có nghĩa là chết là hết, là đoạn diệt.

Ngược với quan điểm trên là năm thứ Niết Bàn Luận chủ trương hoặc phép định trên chủ để dục giới là phép chuyển y, phép thay đổi căn bản nhận thức chân chính, phép định này tạo ra hậu quả là sinh lòng yêu mến; hoặc phép sơ thiền là chuyển y chân chính vì tính năng của nó là thủ tiêu ưu thụ; hoặc phép nhị thiền vì không còn khổ thụ; hoặc Tam Thiền vì rất hoan lạc; hoặc Tứ Thiền vì khổ vui đều diệt, không còn phải sinh diệt trong luân hồi. Tất cả các luận điểm này đều sai lầm ở chỗ xem các cõi trời hữu lậu là thành quả vô vi, lấy năm cõi ấy làm cứu cánh thù thắng, thanh tịnh của các bậc Thánh Hiền.

Cả năm thứ Niết Bàn Luận này đều là tư tưởng điên đảo về Ngũ Âm, xa rời tính Bồ Đề và gọi là ngoại đạo thứ Mười.

Anan! Sau khi diệt trừ ba ám Sắc, Thụ, Tưởng, thiền giả vào tam ma đề, nếu không sáng suốt tự lượng trình độ giác ngộ của bản thân thì rất dễ mê lầm mười tình huống dẫn đến những nhân thức lệch lạc, những ngộ nhân đại ngã mạn như

tự cho mình là Thánh, để đến nỗi khi mạng chung, do mắc tội đại vọng ngữ mà bị đọa xuống ngục Vô Gian, không biết rằng mười tình huống hiện ra đó chỉ là sản phẩm của Hành âm vẫn hiện hữu nơi mình, phát huy tác dụng tiêu cực trong trạng thái tập trung quá mức của tâm vào samatha. Các người hãy ghi nhớ lời Ta dạy này để bảo ban chúng sinh trong đời mạt pháp, sau khi Ta diệt độ, đừng gìn giữ, che chở cho chúng sinh khỏi mắc vào tà kiến, vào ngộ nhận một chút kết quả của thiền định đã cho là ghê gớm, khỏi đi trệch ra ngoài con đường của Đạo Vô Thượng.

NHỮNG MA SỰ THUỘC THỨC ÁM

Anan ! Thiên giả diệt hết được ba ám Sắc, Thụ, Tướng có nghĩa là đã vô hiệu hoá được các tác nhân mê hoặc trong hiện tại, diệt được Hành âm tức là thủ tiêu được tác nhân gốc rễ từ quá khứ, nó hoạt động như then chốt u ẩn đưa đẩy nên sự sinh thành ra muôn loài thế gian, như cốt lõi rất vi tế, như động lực rất sâu xa gây nghiệp, chịu báo của mỗi cá thể chúng sinh. Như vậy coi là đã gần đến Đại Giác Ngộ rồi đó, chẳng khác chi ánh dương đã bùng sáng ở chân trời Đông, trong tiếng sao sắc của gà gáy sáng.

Bốn ám đã diệt nên sáu căn không bám theo sáu trần mà rong ruổi, không hướng ngoại để tự quy chiếu; nên trong căn, ngoài cảnh đều lặng lẽ, do đó mà sáng suốt, mà vào được tính Vô Sở Nhập, thấu suốt nguyên nhân thụ sinh của mười hai loài nơi thập phương thế giới, nguyên nhân ấy căn bản là tính chấp trước, tính gán bó, tính tham ái của muôn loài chúng sinh. Tuy nhiên tác nhân tối hậu, tối đại, tối thượng bao trùm toàn thể cảnh giới thời-không, hàm dung cả bốn ám trên là Thức ám thì lại chưa hề suy suyển một li, nói cách khác thiên giả vẫn còn trong phạm vi của Thức ám, chưa liên thông được tính đồng trên lý thuyết vô vi và tính khác trên hiện thực hữu vi để đi tới Tính Không Đồng. Không Khác của Chân Không Diệu Hữu.

Thức ám là bản thể cuối cùng của vạn pháp; vạn pháp ở đâu và bao giờ cũng được hiểu là những hiện hữu khác nhau trong không gian khác nhau và trong thời gian khác nhau, do đó có thể nói đơn giản: Thức ám là Tính Phân Biệt - các người nên nhớ rằng trong Đạo của Ta, Tính tức là Thể -, là cái nôi, đúng hơn là người Mẹ sinh ra vạn hữu, do đó, hết Thức ám đơn giản có nghĩa là đã chứng nghiệm Tính ĐỒNG của vạn hữu, nói riêng tính Đồng của sáu căn, cái nghe, cái nhìn, cái sờ, ...đều tự tại dung thông nhau, thay thế nhau, nói rộng hơn, thân tâm và thế giới không còn phân chia, không còn ngăn ngại mà hoà nhập thành một, trong suốt như ngọc lưu ly.

Nói thế cũng có nghĩa là thiên giả dù đã diệt được bốn ám, đã ra ngoài sinh diệt, đã khiến các căn khi hợp mà tác dụng như nhau, khi ly mà tính năng đặc thù phát huy tối đa, hơn nữa các căn giao tiếp không chướng ngại với muôn loài sinh vật, có khả năng trở về tính Bản Viên, tính Hàm Dung vạn pháp trong CHÂN NHƯ. Tuy nhiên cũng chính vào lúc tìm đường trở về ấy trong samatha mà Thức ám sẽ tăng cường hoạt động với tư cách "âm" của nó, tạo nên mười tình huống đưa đến mười nhận thức sai lầm.

Thiên giả qua chỉ quán cao độ cho rằng mình đã tìm ra được cái Nhân Chân Thường của toàn thể giới hữu vi, và đề cao luận điểm "Nhân Sở Nhân". Cái Nhân ấy thực chất chẳng khác chi Minh Đế của bọn Sa Tỳ Ca La, đưa người kia vào chỗ mê lầm Trí Bồ Đề của chư Phật, bỏ mất Chính Tri Kiến mà lập nên cái tâm sở

đắc, cái tâm tự cho đã chứng đắc chân lí tối thượng, tạo ra cái quả sở quy, cái quả có tính khái quát nhất cho sự quy chiếu mọi quả khác, xa rời tính viên thông, đi ngược Đạo Niết Bàn, ấy gọi là sai lầm thứ Nhất.

Nếu thiên giả căn cứ trên tính Không của Hành đã diệt mà xác quyết tự thể Ngã Của Minh chính là cội nguồn sản sinh ra tất cả chúng sinh trong mười hai loài, cùng tột hư không, thì người kia sa vào luận thuyết "Năng Phi Năng" của bọn Ma Hê Thủ La, lầm tưởng cái vốn không có tính năng "sinh" làm cái có tính năng ấy, lại lập cái tâm năng vi, cái tâm phát sinh các hành vi, thành cái quả năng sự, tức là lộn lạo nhân làm quả, quả làm nhân, ngược Đạo Niết Bàn, xa tính viên thông mà thành giống Đại Mạn Thiên. Ấy gọi là sai lầm thứ Hai.

Ngược lại, cũng có thể thiên giả truy tìm trong xamatha cái cội nguồn, lại thấy nó chính là cái sở quy, một điểm gốc cho mọi hiện hữu, thân tâm mình cũng như vạn pháp, quy chiếu về, lấy ngay Cái Ấy (das Es !) làm thể chân thường, không sinh diệt. Như vậy là chấp cái trong chỗ sinh diệt là thường trụ, lầm lẫn cả tính bất sinh, cả tính sinh diệt mà trở thành cùng bọn với lũ cho Tự Tại Thiên là đáng Táo Hoá, chủ trương thuyết "Thường Phi Thường" lộn lạo Thường với Phi Thường rất linh tinh lang tang. Cụ thể là xác tín một đáng Táo Hoá sinh ra tâm mình, qua đó có vạn pháp. Ấy gọi là sai lầm thứ Ba, chủ ở sự thiết lập tâm nhân y, tức là tuy lấy tâm là nhân nhưng lại cho tâm phụ vào, y tựa vào một cái khác, xa với phép viên thông, ngược với Đạo Niết Bàn, thành giống Đảo Viên.

Hoặc xuất phát từ tính cùng khắp của nhận thức mà ngoại suy bừa ra rằng cỏ cây cũng thuộc loài hữu tình, so với người nào có gì là sai khác, cỏ cây rồi ra cũng lên làm người, người chết rồi ra đầu thai làm cỏ cây, như thế mà sa vào thuyết "Tri Vô Tri" của bọn Bà Tra. Tiến Ni chủ trương tất cả đều có nhận thức như nhau cả thôi, ấy là sai lầm thứ Tư, lấy tâm viên tri làm quả sở tri, xa tính viên thông, trái Đạo Niết Bàn, thuộc giống Đảo Tri.

Nếu từ tính viên dung của các căn, cái nọ dùng thay được cái kia mà biến hoá phát sinh nên những tướng tứ đại kia là bản nhân. Chấp vào ánh sáng của Hoá Đại, sự thanh tịnh của Thuỷ Đại, tính chu lưu của Phong Đại, tính cố thể của Địa Đại mà chủ trương thuyết "Sinh Vô Sinh" của bọn Ca Diếp Ba và Balamôn, đem thân tâm để thờ lửa, thờ nước những mong ra khỏi vòng luân hồi sinh tử. Ấy là sai lầm thứ Năm, nặng về thờ cúng, để tâm mê theo vật, xác định một cái nhân hoàn toàn hư vọng, tất cả để cầu xin một cái quả giả dối, đáng gọi là giống Điện Hoá.

Bốn ám đã diệt, cảnh viên minh không cấu trúc hoá hiện ra, lấy ngay cái Không ấy để bác bỏ tính vận động của sự vật, để đề cao chủ nghĩa hư vô tuyệt đối mà xác quyết tất cả kết cục là Đoạn Diệt, mà chủ trương thuyết "Quy Vô Quy" giống như bọn Vô Tướng Thiên hư vô hoá tất cả hiện hữu, hư vô hoá cái tâm cũng như cái quả sinh ra từ nó. Ấy là sai lầm thứ Sáu của giống Đoạn diệt.

Nếu từ tính Không của Hành, cũng là tính Viên Thường mà thiên giả có xu hướng muốn vĩnh hằng hoá, muốn viên thường hoá cái thân của mình, thì lại sa vào chủ trương "Tham Phi Tham", tham cầu cái không đáng và cũng không thể tồn tại vĩnh hằng là cái thân, trở thành đồng bọn với A Tư Đà, quá coi trọng thân xác vật lí chỉ có ý nghĩa duy nhất thực sự là kéo dài kiếp sống nhọc nhằn. Ấy là sai lầm thứ Bảy của giống Vọng Điện.

Giống trường hợp trên là lòng tham đắm khoái lạc giác quan. Trên cơ sở hiểu rõ các sinh mạng vốn có tính liên thông, giao hoán nên dùng pháp thuật biến hoá ra đủ thứ thất bảo trang trí cho cung điện lòng lầy, cùng vô số mỹ nữ phục vụ mà mặc sức buông thả không chút dè dặt vì tin chắc vào thuyết "Chân Vô Chân" của bọn Cha Chỉ Ca La, từ cái nhân của một lập luận sai lầm mà quyết định một phương hướng sống hoàn toàn tuân phục nhu cầu của "ngũ âm xí thịnh", mắc vào sai lầm thứ Tám của giống Thiên Ma.

Hoặc nơi cội gốc của sinh mệnh là Hành ấm đã diệt, chuyên tâm hướng về Diệt Đế qua ngã Đạo Đế để khỏi bị tác dụng của Tập Đế mà chịu Khổ Đế; coi đây là cái đích tối hậu, không cầu tiến gì thêm nữa. Đó vẫn là cái bệnh của hàng định tính Thanh Văn, đồng minh của tập đoàn Vô Văn Tang nặng tính tăng thượng mạn, chuyên câu quả thú tịch mang sắc thái, mùi vị của Cháp Ngã mà bỏ mất Chính Tri Kiến, mà mắc vào sai lầm thứ Chín.

Hoặc từ tính giác minh thuần khiết và bao quát vạn pháp như hậu quả của trạng thái Hành ấm đã diệt mà chuyên chú mưu cầu Niết Bàn như quả vị duy nhất phải thành tựu thì người kia thuộc lớp định tính Bích Chi, cùng phái với Duyên Giác. Độc Giác không biết hồi tâm hướng về Đại Thừa, chỉ nhăm vào sự vắng lặng của giác tâm, lấy đó làm thành tựu của tính giác ngộ viên minh mà đâu có viên minh, mắc phải sai lầm thứ Mười, vừa xa tính viên thông, vừa ngược Đạo Bồ Đề.

Hai lớp người sau đều đã ra khỏi vòng luân hồi sinh tử, nhưng nhận thức còn chỗ hạn chế là vẫn phân biệt Sinh Tử với Niết Bàn, vẫn ham truy cầu cái thứ hai như đối thể của cái thứ nhất, do đó còn chưa hoà nhập, chưa tích nhập với pháp giới tính, chưa đầy đủ vô lượng vô biên công đức, nói gọn lại là chưa thành Phật được.

Anan ! Mười thứ Thiên Định trên đều do Thức ám phối hợp với công phu xamatha tạo thành, về mặt nhận thức, có thể xem đây như một dạng điên, về mặt nguồn gốc, có thể xem đây là thói tự đủ trước một thành tựu còn rất khiếm khuyết, hiện tượng tự mãn tự túc là một tập quán phổ biến nơi chúng sinh, phát triển cao có thể trở thành tội đại vọng ngữ. Đây là việc đã xảy ra cho bọn ngoại đạo tà ma, bọn này khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi thì bị đoạ xuống địa ngục Vô Gián, còn hàng Thanh Văn, Duyên Giác, tuy đã ra ngoài vòng hữu lậu, chứng quả vô lậu nhưng tâm lí mãn túc khiến họ không tiến thêm được nữa.

Các người phải chuyên chú giữ Đạo Như Lai để sau khi Ta diệt độ biết đem pháp môn này truyền bá cho chúng sinh trong đời mạt pháp, không để chúng Ma Tà Kiên gây ra nạn lớn, phải tiêu trừ các tà duyên sao cho thân tâm vào được Tri Kiến Phật mà không mắc sai lầm trên các đường ngang, lối tắt.

Pháp môn này, chư Như Lai nhiều như số vi trần trong hàng sa số kiếp quá khứ đã vận dụng để khai ngộ Đạo Vô Thượng. Khi Thức ám đã diệt, các căn có thể dùng thay nhau mà tính năng, chức năng vẫn bảo đảm, lúc đó các người đã lên bậc Kim Cương Can Tuê Bồ Tát, cái tam vừa tỉnh diệu, vừa viên minh lúc đó chẳng khác Trang sáng trong ngọc lưu ly, từ đây thăng bước lên các vị Thập tín, Thập trụ, Thập hành, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm, Thập địa kim cương bồ tát, cuối cùng tính Đẳng giác được viên minh mà nhập vô biên Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, về chỗ Vô Sở Đắc.

Những ma cảnh, ma sự diễn ra trong lúc thiền định, chỉ quán là những thực tế mà chư Phật Thế Tôn các đời quá khứ đã trải nghiệm, đã phân tích, đã giác ngộ.

Nếu trong tam ma đề, các người vẫn giữ được cái tâm tĩnh lặng mà quan sát, cái tâm quan sát mà tĩnh lặng, đây là yếu tố cơ bản để không dính cấu nhiễm, không mắc tà kiến. Làm được như vậy thì ám ma nào cũng đều tự tiêu, thiên ma nào cũng bị đánh tan, đại lực quỷ thần nào cũng phải trốn chạy, lý mỵ vọng lượng nào cũng không sinh ra được, khi ấy còn khiếm khuyết gì ngăn ngại các người thẳng tiến đến Trí Tuệ Bồ Đề, đến Đại Bát Niết Bàn ? Trong đời mạt pháp, chúng sinh ngu độn đua nhau nói về thiền, đua nhau tọa thiền, hành thiền mà thực ra nào có hiểu thiền, hiểu Phật Pháp là gì, là giáp chi đầu. Cho nên nhiệm vụ của các người là phải giúp họ, không để mặc họ sa vào tà kiến. Chúng sinh thời mạt pháp, do căn cơ chậm lụt, hạ liệt mà cứ tiếp tục huyền thuyên về thiền, về định bất kể các người giảng giải thế nào, thì các người vẫn phải kiên trì khuyên bảo họ làm cái việc tối thiểu và đầu tiên của hành thiền, ấy là họ phải siêng năng thụ trì chú Phật Đỉnh Đà-lani của Ta, ít ra nếu chưa tụng được thì treo nơi thiền đường, ít nữa là đeo ngay trong mình, chỉ cần thế thôi cũng đủ uy lực răn đe khiến Ma không dám động đến. Đó là lời dạy bảo cuối cùng về đường tu rốt ráo, triệt để của thập phương Như Lai.

Anan ! Y người muốn hỏi là năm ám, năm lớp băng bịt kín con mắt nhận thức, đây, mỏng thế nào, tháo tung một lần hay theo thứ lớp ? Người còn nhớ chứ, đã hơn một lần Ta đã nói về Giác và Minh. Giác thì sinh vật nào cũng có, theo chân Giác là Minh, do đó sinh vật nào cũng có Minh, tuy nhiên một điều hết sức rõ ràng là, nếu về mặt giác, mỗi loài đều có ưu điểm "hiện tượng học" của nó, chẳng loài nào hơn loài nào. Nhưng về mặt Minh thì lại hoàn toàn khác: Loài Người có Minh ở mức tập trung nhất, đồ sộ nhất, tinh vi nhất, chính vì thế Loài Người thống trị được muôn giống khác. Cái đó thực ra không hay hóm gì như loài người quen tưởng, bởi vì Minh chỉ là Vọng của Giác: bản thân Giác vốn hoàn toàn yên lặng, tịch mịch, nội ngắn gọn: tính Bản Giác là Viên Tịch. Trong cái trạng thái Ta gọi là VONG hay Vọng Tưởng hay Vọng Động, Giác sinh khởi ra Minh, Minh phân biệt đây là núi, đây là sông, đây là người, đây là ngợm v.v.. Núi, sông, người, ngợm... không phải vẫn có sẵn đấy cho Minh phát hiện một cách khách quan, mà là và chỉ là sản phẩm của Minh và chỉ của một mình Minh. Minh đã là vọng thì đương nhiên núi ấy, sông ấy, người ấy, ngợm ấy ...chẳng là vọng thì còn là cái gì khác ? Có người hỏi tại sao Giác lại "vọng" thành Minh ? Một câu hỏi ngu xuẩn! Bản thân "tại sao" đã là một cái "vọng" của một cái "vọng" lớn hơn là thời gian. Đã gọi là Vọng, đã biết là Vọng thì không thể đặt vấn đề nguyên nhân của Vọng, nhưng lại hoàn toàn có thể đặt vấn đề nguyên nhân cho bất kỳ cái gì do Vọng sinh ra, thí dụ núi ấy, sông ấy,...Thực ra ở đây nói cho chính xác phải gọi đó là nguyên nhân vọng, nhân duyên vọng, và vì quá trình nhân quả nào diễn ra nhiều lần quá quen rồi thì thường được mệnh danh là "tự nhiên", tóm lại nhân duyên, tự nhiên đều là sản phẩm của Vọng Tâm chúng sinh. Bây giờ Ta sẽ xét riêng ngũ ám, từng cái nó là vọng như thế nào.

Anan ! Ta nhắc lại một thí dụ trước đây : Ta mới nói quả mơ thời mà trong miệng người nước bọt đã ứa ra. Miệng, nước bọt và quả mơ đều là Sắc. Quả mơ chưa thực có mà nước-bọt-sắc đã hiện hữu. Sự hiện hữu này của Sắc hoàn toàn chỉ do tướng mà phát sinh. Lại xét đến bản thân người. Anan, người có biết thân thể người từ đâu mà ra không ? Từ cái Tướng của bố mẹ người với tư cách nam-sắc, nữ-sắc; cái Tướng của chính người với tư cách manas-thức mà thành ra. Sắc thân hiện tiền của người đây, cái qua nó như một căn cứ cực kỳ răn chắc đầu tiên để phán đoán, nào thực, nào giả, nào tốt, nào xấu, ...mà còn do Tướng tạo nên.

trách chi chẳng gọi nó là Vọng Tướng Kiên Cố thứ Nhất thì gọi bằng cái tên gì khác đây?

Đứng trên mỏm núi cao nhìn xuống vực sâu bên dưới, chẳng ai làm gì, nói gì mà tự nhiên chân tay bủn rủn, cơ hồ sắp té đến nơi, đó là vì do tướng đến ngã xuống vực, không chết cũng vỡ đầu, gãy cẳng mà sơ hải, mà hốt hoảng như thế sắp chết, sắp vỡ đầu, gãy chân đến nơi rồi. Vậy là chỉ thuần một Tướng, chẳng can cố gì mà cũng đủ gây Thụ cho Sắc(thân), ngoài Tướng ấy ra không còn một tác nhân, tác giả nào nữa. Nói cách khác, Thụ, dù là thuận ích(=lạc), dù là vi tổn(=khổ), từng giây lại từng giây nối tiếp nối lên trong ~~thực~~^{người}, xứng đáng xem là Vọng Tướng Hư Minh thứ Hai

Trong hai thí dụ trên, các người đều thấy vai trò của Tướng: nó đã hư vô hoá cả Sắc lẫn Thụ. Thế bản thân nó là cái gì vậy? Nói đến tướng thì bao giờ cũng phải nói cho đầy đủ là tướng đến, tướng về, tướng lại. ... một cái gì đó, cái ấy là khái niệm, hoặc ngôn ngữ, văn tự là dạng vật chất hoá của khái niệm, còn gọi là danh. Danh-ngôn điều khiển mọi hành vi, ứng xử của mỗi con người: con người luôn luôn sống với ý nghĩa thụ cảm, và thông qua tướng mà phản ứng với tác nhân gây nên thụ cảm ấy. Thực ra danh-ngôn chỉ là những sợi dây buộc vào con rối chúng sinh, người dặt dây là Ý. Thụ cảm, phản xạ bao giờ cũng được sản sinh trong khu chế xuất của ý: chính vì các người đã chứa chất ý này ý nọ mà các người mới có thụ này tướng nọ. Nói cách khác, Thụ tức là thân nhận sự sai khiến của ý, không có cô gái nào là mỹ nhân cả, chỉ có cái ý về mỹ nhân tích tụ đâu đó trong trí nhớ mới là cái tác nhân thực sự, duy nhất tạo ra nơi thân cái thụ về mỹ nhân. Phản xạ (có điều kiện hay không điều kiện), phản ứng (tích cực hay tiêu cực) đều là cách nói khác của Tướng, tướng lại dựa vào ý mà sinh hoạt, dùng ý để đánh thông mối quan hệ thụ-sắc, điều này không chỉ xảy ra trong lúc thức tỉnh, mà cả trong lúc chiêm bao, mộng寐. Nhưng ý là sản phẩm rất bất minh của các tác nhân cũng bất minh không kém, cho nên cái ám thứ ba đáng gọi tên là Vọng Tướng Dung Thông thứ Ba.

Anan ! Chắc chắn là nhiều lúc trong cuộc đời mình, người phải tự hỏi thế thì cái quen gọi là Anan này là cái gì vậy ? Nhiều cách hỏi khác nhau, nhiều câu đáp khác nhau, nhưng bao giờ, nhưng thế nào cũng từng phải có những lần, đại khái như...à, tóc mình sao lại chổng dài thế này nhỉ, da mặt mình sao độ dày nhăn tợn thế này nhỉ,...Những thay đổi ấy đương nhiên được đồng nhất hoá với một cá thể gọi là Anan. Anan ư ? đó là tóc dài ra, là da mặt nhăn lại, là...Nhưng nếu chính cái đó là Anan, là chủ thể Anan thì sao người, Anan, người lại không hề hay biết chúng xảy ra đúng vào lúc nào, xảy ra như thế nào, xảy ra là vì sao, chủ thể Anan chẳng những đã không biết cái gọi là Anan ấy mà còn chẳng làm sao ngăn chặn được cái Anan ấy tiến hành sinh hoạt theo kiểu riêng "của" nó như thế. Thay đổi nối tiếp thay đổi, Hành niệm nối tiếp hành niệm, một hiện thực sống động nhất, cũng bí hiểm nhất ấy đáng gọi là Vọng Tưởng U Ân thứ Tư.

Lại nữa, Anan ư ? ồ, đó là mắt nhìn, là tai nghe, là miệng nếm, là...Không có những cái đó thì cũng hết cái gọi là Anan. Những cái thấy đó, dù là nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy, ...đều là "thấy" chính xác cả chứ, là tính tinh chân cả chứ ? Nếu thực sự là thế thì thấy, thì biết, thì thức một lần là xong hẳn, khỏi phải mỗi lần thấy là mỗi lần thêm, mỗi lần bớt, mỗi lần so đo, mỗi lần đối chiếu. Nói cách khác, nếu Thức thực là tính tinh chân, tinh minh thì nó phải cố định, phải vĩnh hằng, phải bất biến, đâu lại từng niệm rồi từng niệm huân tập cái gọi là "mới" để cho ra đời cái gọi là tiến hoá, tiến bộ, phát triển, văn minh,...từng ngày và từng ngày vùn vụt như dòng nước chảy xiết, xiết quá mắt không nhìn ra được lại tưởng như đứng lặng. Ngay hiện thực Thức không một satna nào mà không bị huân tập "cái Mới" cũng đủ chứng tỏ nó chẳng có bản lĩnh, phẩm chất nào đáng gọi bằng cái tên khác với Thức Âm, nghĩa là hư vọng, là vô minh, là mê lầm, là điên đảo,..., tóm lại là Vọng Tưởng Huyền Hoà, Vi Tế thứ Năm.

Anan ! Nay hẳn người đã lĩnh hội sâu sắc và triệt để nhất ý nghĩa của "vọng tưởng", nhất là tại sao Ta lại dùng khái niệm ấy làm cái then chốt, cái bản lề, cái động lực của Tôn Tại. Đám chúng sinh căn cơ hạ liệt chỉ có thể hiểu "vọng tưởng" là suy nghĩ, là tưởng tượng sai lầm thì cũng được thôi, nhưng với các người, kể từ hàng định tính Thanh Văn xấp lên, từ nay dứt khoát phải biết mọi thứ trực tiếp đều do Tưởng mà ra, mà tưởng nào thì cũng đều là vọng hết. Còn như muốn đi vào từng cái trong năm vọng tưởng ấy thì các người chỉ cần nắm vững cơ cấu hình thành sau đây của chúng: Sắc ấm cấu trúc hoá trên Sắc và Không; Thụ ấm trên Xúc và Ly; Tưởng ấm trên Nhớ và Quên; Hành ấm trên Sinh và Diệt; Thức ấm trên Đồng và Dị. Chừng nào các người còn loay hoay có hay không, nhớ hay quên, đồng hay dị,... thì chừng đó các người vẫn chỉ là lũ chúng sinh bị điều kiện hoá, bị cấu trúc hoá bởi Ngũ ấm chứ chẳng bởi chất liệu hiền thánh chi hết.

Năm ấm ấy sinh khởi trùng trùng, điệp điệp từng satna, tự thân hay nương nhau, nhưng nếu xét về mặt Nguyên Lí Hình Thành thì khi nào cũng phải lấy Thức ấm làm Đấng Sáng Tạo. Trái lại, chú ý mặt hiện tượng tiêu vong thì tất nhiên xưa nay

đều lấy cái tiêu vong của Sắc ấm làm chuẩn. Trên mặt Nguồn Gốc Vũ Trụ thì một lần nữa Ta long trọng nhắc lại, không một Tác Giả nào ngoài VONG TUỞNG.

Anan ! Hôm trước Ta đã chỉ dạy cho người biết rằng người vốn dĩ chỉ là Một thể vô cùng quý báu như chiếc khăn hoa của cõi trời Kiếp Ba La kia, một thể thuần nhất, thể rồi tại một điểm nào đó trên vòng tròn thời gian, đã gọi là vòng tròn thì điểm nào chẳng bằng điểm nào, điểm nào chẳng xa, đồng thời cũng chẳng gần điểm nào, chiếc khăn ấy được thắt thành nút, từ đó trở thành không thuần nhất. Để trở về trạng thái Một ấy, trạng thái Chân Như, người phải biết gỡ các nút dần ra cho bằng hết. Nút rớt ráo nghĩa là sự quyết tín tính dị biệt của Ngã và Pháp, gỡ nút rớt ráo nghĩa là thủ tiêu triệt để sự dị biệt ấy. Về mặt lí thuyết, liễu ngộ được yêu cầu không phải là điều quá khó, nhưng trên thực tiễn sự việc, thực thi được yêu cầu này đòi hỏi nhiều bài bản, lớp lang nối nhau trên một trình tự nhất định.

Các người đều phải tuyệt đối thông suốt cái vai trò chủ đạo, vận hành của Vọng Tưởng đối với Tồn Tại, rồi đem sự giác ngộ của mình mà truyền thụ lại cho chúng sinh trong thời mạt pháp, sao cho họ biết tính hư huyền của thế gian, nhằm chán ngũ dục lạc, không mưu cầu Tam Giới mà chỉ một lòng hướng về Niết Bàn Diệu Tâm.

Giờ đây là lúc Ta kết thúc Pháp Hội Lăng Nghiêm bằng cách nhấn mạnh Ba Tác Dụng hết sức đặc thù của Kinh mà tất cả các người đều phải hết lòng ghi nhớ:

Một là Phúc Đức do thụ trì Kinh : Các người có thể hình dung Phúc Đức ấy lớn đến như thế nào không ? Giả dụ có người đem các thứ thất bảo đầy khắp cả mười phương hư không cúng dâng lên khắp vi trần số Chư Phật, người ấy khỏi nói, biết lấy cái gì để đánh giá Phúc Đức của họ ? Ấy vậy mà Phúc Đức của người ấy lại chưa ăn nhằm gì, dù chỉ tính bằng 1/tỷ, 1/tỷ tỷ, 1/tỷ tỷ tỷ... của người biết đem Kinh này khai thị cho người chưa học để họ có thể, dù chỉ ngộ được đôi điều đi nữa.

Hai là Tác Dụng Tiêu Tội: bất kể tội gì, dù đó là tội tứ trọng, tội thập baladi, tội đoạ xuống Ngục A Tỳ ở khắp cả mười phương, tội cùng tội trong Ngục Vô Gian ở khắp cả mười phương, tội lỗi ghê gớm đến thế mà chỉ cần trong một niệm tự nhiên hết sức chân thành đem Kinh này giảng giải cho kẻ vô đạo thì liền ngay đó chẳng những hoá giải được mọi tội trước kia đã mắc mà còn biến được cái nhân cho sự phải chịu khổ ở địa ngục thành cái nhân sinh về An Lạc Quốc.

Ba là Tính Năng Trừ Ma : Đã hơn một lần các người đều hiểu thế nào là Ma, là Ma sự, là Ma cảnh, và cũng chẳng dễ dàng gì, chẳng đơn giản gì vô hiệu hoá được chúng, vậy mà nay các người có sẵn trong tay một giải pháp toàn năng : Chỉ làm một việc là đem Kinh này ra mà trì tụng, thể thời và đủ rồi cho các người không còn gặp bất kì một trở ngại hay chống đối nào đáng nói nữa trên đường đến Đạo Bồ Đề.

Tịnh Tiễn

Ngày 22/6/2001